



CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

2022

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH CÔNG TY	2
THÔNG TIN CHUNG	3
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	3
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	5
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	6
QUẢN TRỊ RỦI RO	10
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	13
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	15
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN	19
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	19
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	21
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	23
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG	27
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN	28
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
VỀ THỊ TRƯỜNG	29
VỀ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	29
VỀ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN	30
VỀ NHÂN SỰ	30
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31
Ý KIẾN KIỂM TOÁN	31
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	31

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH CÔNG TY



Ông Tsuyoshi Imai

Chủ tịch - Công ty TNHH
Chứng khoán Nhật Bản

Kính gửi Quý vị,

Đại dịch Covid 19 vẫn tiếp diễn trong những tháng đầu năm 2022, nhưng chúng ta đã không ngừng tiến lên phía trước.

Dịch bệnh toàn cầu dù đã đi qua nhưng trong ba năm đã để lại không ít tác động tiêu cực đến ngành tài chính. Năm vừa qua, trong khi thị trường tài chính Việt Nam đã bỏ lỡ cơ hội nâng hạng lên thị trường mới nổi, thì thực tế, nhiều nhà đầu tư cũng đã buộc phải rời bỏ thị trường.

Bất chấp thị trường đầy thách thức và biến động, Chứng khoán Nhật Bản vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh 2022 khả quan nhờ cơ sở kinh doanh vững chắc, cùng với sự cắt giảm chi phí hợp lý. Doanh thu và lợi nhuận tuy không ghi nhận tăng trưởng nhưng vẫn là kết quả cao thứ hai sau năm 2021 đạt đỉnh lịch sử.

Trong năm vừa qua, chúng tôi cũng đã vui mừng chào đón ba thực tập sinh trẻ từ Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (Aizawa Securities Group). Sự kiện này nằm trong Kế hoạch phát triển nghề nghiệp và cũng là chương trình đào tạo được thiết kế dành cho nhân sự của Aizawa Securities Group muốn làm việc tại Việt Nam trong tương lai gần. Trong ba tháng, họ đã có điều kiện để học tập, và tích lũy nhiều kiến thức chuyên môn cũng như trải nghiệm cần thiết để trở thành một chuyên gia toàn cầu và thành công trong lĩnh vực chứng khoán. Chúng tôi hướng tới việc tiếp tục triển khai tiếp nhận các thực tập sinh từ Aizawa Securities Group một cách thường xuyên hơn với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực dẫn dắt tương lai của Chứng khoán Nhật Bản.

Là một thành viên của Aizawa Securities Group, chúng tôi mong muốn tiếp tục phấn đấu để gặt hái được nhiều thành công hơn nữa, và nâng cao vị thế của Chứng khoán Nhật Bản tại thị trường Việt Nam trên mọi phương diện.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời chúc sức khỏe, bình an và thịnh vượng đến Quý vị và gia đình, đồng thời xin nhắc lại rằng JSI sẽ không ngừng tiến lên phía trước.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị trong thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ lâu dài của Quý vị trong tương lai.



Tập thể nhân viên JSI

Trân trọng,

TSUYOSHI IMAI

Chủ tịch công ty

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thông tin về JSI

TÊN GIAO DỊCH	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tên viết tắt	JSI
Người đại diện pháp luật	Tsuyoshi Imai – Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu	Số 103/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 16/01/2009
Giấy phép điều chỉnh gần nhất	Số 108/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 03/12/2021
Vốn điều lệ	300,000,000,000 VND (Ba trăm tỷ Việt Nam đồng)
Chủ sở hữu Công ty	Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (100%)
Địa chỉ	Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại	(84 24) 3791 1818
Website	www.japan-sec.vn

Thông tin về Chủ sở hữu Công ty

TÊN CÔNG TY	TẬP ĐOÀN CHỨNG KHOÁN AIZAWA (AIZAWA SECURITIES GROUP CO., LTD.)
Giấy phép thành lập và hoạt động hiện tại	Số 0100-01-036574 cấp ngày 01/10/2021 tại Nhật Bản
Người đại diện pháp luật	Takuya Aizawa - Chủ tịch & Tổng giám đốc
Địa chỉ	Tokyo Shiodome Building, 1-9-1 Higashi Shimbashi, Minato-ku, Tokyo, 105-7307 Nhật Bản
Ngày thành lập	Ngày 03 tháng 10 năm 1933
Vốn điều lệ	JPY 8,000,000,000
Nhiệm ý	Sở giao dịch chứng khoán Tokyo
Số điện thoại	(81 3) 6852 7744
Website	www.aizawa-group.jp

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là JSI), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào, được thành lập vào tháng 1 năm 2009, sau đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản vào năm 2010. Cơ cấu cổ đông khi đó gồm 51% cổ phần thuộc về Tổng công ty Viglacera, và 49% còn lại do các công ty nước ngoài trong đó có Aizawa Securities Group nắm giữ. Năm 2018, Aizawa Securities Group đã nâng tỷ lệ sở hữu JSI lên 95%, chính thức trở thành Cổ đông lớn, đồng thời, tăng vốn điều lệ của JSI lên 100 tỷ đồng hướng tới mở rộng các dịch vụ mới như dịch vụ giao dịch DMA và các sản phẩm nghiên cứu phân tích qua Bloomberg. Hoạt động kinh doanh chính của JSI là môi giới chứng khoán niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cho các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, và nhà đầu tư cá nhân ở cả Việt Nam và Nhật Bản.

Hiện tại, là đại diện đến từ Nhật Bản duy nhất hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp giấy phép hoạt động, chúng tôi mong muốn kết nối thị trường Việt Nam với các nhà đầu tư không chỉ ở Nhật Bản mà còn ở các nước châu Á khác cũng như trên toàn thế giới.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư
- Ủy thác quản lý tài khoản
- Lưu ký chứng khoán
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Phân phối trái phiếu doanh nghiệp

Dịch vụ phân tích

- Báo cáo cập nhật
- Báo cáo lần đầu
- Sắp xếp gặp gỡ doanh nghiệp
- Phân tích theo yêu cầu từ khách hàng tổ chức
- Cổng thông tin phân tích trên Bloomberg

Tự doanh chứng khoán

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Chứng khoán phái sinh

Dựa trên triết lý quản trị của Công ty mẹ, Aizawa Securities Group: “Mang đến cho nhiều người hơn một cuộc sống giàu có hơn thông qua đầu tư chứng khoán”, chúng tôi mong muốn gia tăng tập khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam, thông qua việc giúp họ gia tăng lợi nhuận từ việc đánh giá dài hạn các tài sản đầu tư. Thực tế, thị trường Việt Nam không hoàn toàn mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài do còn nhiều hạn chế đối với tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này, hay mức độ công bố thông tin của các công ty Việt Nam vẫn chưa theo kịp thị trường các nước phát triển. Trong hoàn cảnh đó, bằng cách xây dựng và củng cố bộ phận nghiên cứu phân tích, chúng tôi hướng đến vai trò là cầu nối giữa các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam thông qua việc cung cấp nhiều báo cáo nghiên cứu chất lượng bằng tiếng Anh, cũng như sắp xếp các chuyến thăm doanh nghiệp, v.v. Là một công ty chứng khoán Nhật Bản, chúng tôi cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tuân thủ theo tiêu chuẩn toàn cầu, đồng thời đề cao tính tuân thủ với mong muốn tối đa hóa sự hài lòng của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi luôn coi trọng việc đào tạo nhân sự và đã thiết lập một hệ thống trong đó mỗi nhân viên sẽ phải không ngừng cố gắng cải thiện khả năng của mình để trở thành một chuyên gia trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán.

2. Địa bàn kinh doanh

Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ cùng sự linh hoạt trong chính sách chăm sóc khách hàng, công ty chủ trương không giới hạn phạm vi cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, dựa trên kinh nghiệm và kỹ năng cũng như hiểu biết về thói quen, nhu cầu đầu tư của các khách hàng, công ty tập trung nguồn lực phát triển các khách hàng tại:

- Thị trường quốc tế: Nhật Bản và các nước Châu Á khác.
- Thị trường nội địa: Hà Nội và các tỉnh lân cận.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Triết lý của công ty

Triết lý cốt lõi của JSI là luôn hành động vì lợi ích cao nhất của xã hội, của khách hàng cũng như của toàn thể nhân viên. Việc tuân thủ các nguyên tắc này không chỉ đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cho người lao động và cho chủ sở hữu công ty mà còn góp phần vào sự ổn định kinh tế của xã hội.

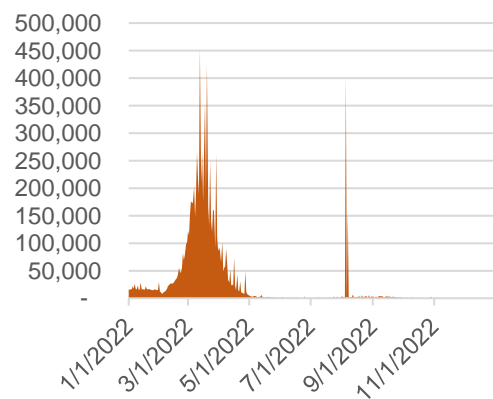


2. Những sự kiện chính của JSI trong năm 2022

Chiến đấu chống Covid-19

Làn sóng Covid-19 tại Việt Nam tiếp tục tàn phá cho tới đầu năm 2022 và đạt đỉnh số ca nhiễm bệnh vào tháng 3. JSI cũng đã chứng kiến những ca nhiễm bệnh đầu tiên và nhanh chóng thực hiện các kế hoạch dự phòng được xây dựng trước đó nhằm đảm bảo vận hành của công ty và sự an toàn của người lao động. Thực tế cho thấy công tác quản trị và làm việc từ xa được thực hiện thuận lợi; các biện pháp phòng chống dịch và đảm bảo sự thông suốt của thị trường được JSI áp dụng triệt để, đi đúng định hướng của chính phủ về việc phòng chống lây lan dịch bệnh và yêu cầu từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về sự vận hành của thị trường.

Số ca mắc Covid-19 tại Việt Nam



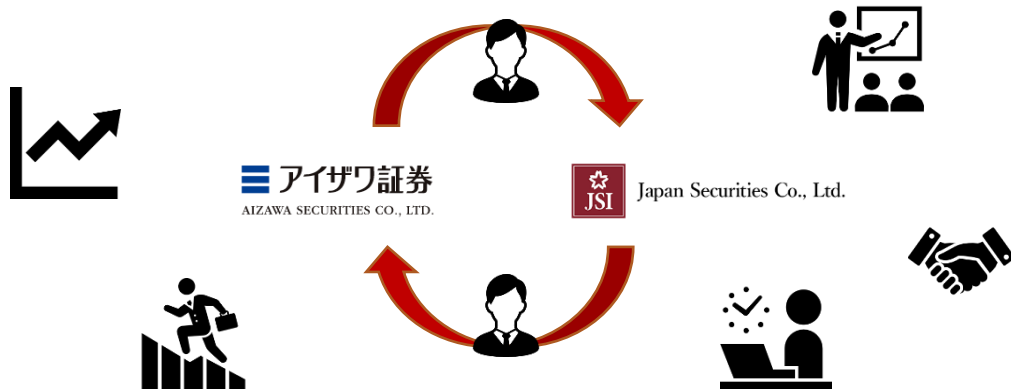
Nguồn: WHO

Chào đón các thực tập sinh từ Aizawa Securities Group

Theo định hướng phát triển chung, Aizawa Securities Group tập trung vào các thị trường châu Á như Hồng Kông, Trung Quốc và Việt Nam, v.v. Nhìn vào giá trị giao dịch cổ phiếu châu Á của Aizawa Securities Group tính đến tháng 9 năm 2022, giá trị giao dịch của thị trường Việt Nam chiếm tới 65,4% giá trị giao dịch của chứng khoán châu Á, cho thấy mức độ quan tâm đến thị trường Việt Nam rất cao. Đáp ứng điều này, Aizawa Securities Group định hướng phát triển nguồn nhân lực am hiểu thị trường châu Á, bao gồm cả Việt Nam cũng như các thị trường nước ngoài.



Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 2022, JSI đã tiếp nhận ba thực tập sinh từ Aizawa Securities Group. Trong ba tháng đào tạo tại JSI, 3 thực tập sinh của chủ yếu được làm việc trong bộ phận môi giới và bộ phận phân tích, đồng thời được đào tạo các kiến thức về thị trường chứng khoán Việt Nam, các quy định khác nhau tại Việt Nam, các hoạt động kinh doanh v.v. Ngoài ra, họ có cơ hội trực tiếp tiếp xúc và cảm nhận sự phát triển nhanh chóng của Việt Nam thông qua các chuyến tham quan Sở Giao dịch Hồ Chí Minh, trao đổi với bộ phận Quan hệ nhà đầu tư của các doanh nghiệp, tham quan cơ sở sản xuất của các công ty niêm yết. Chúng tôi tin rằng họ đã có thể học hỏi được nhiều điều bằng cách tổng hợp những kinh nghiệm này thành các báo cáo và gửi chúng đến Nhật Bản, cũng như tổ chức một hội thảo trên web để các cung cấp thông tin bản địa Việt Nam tới các đại diện bán hàng của Aizawa Securities Group. Tập đoàn coi JSI là trung tâm của hoạt động kinh doanh ở nước ngoài của Tập đoàn và có kế hoạch tiếp tục gửi thực tập sinh đến JSI như một nơi để phát triển nguồn nhân lực nước ngoài trong tương lai của Tập đoàn. Hiện tại, Aizawa Securities Group có kế hoạch thực hiện một hệ thống đào tạo tương tác song song, qua việc cử nhân viên từ JSI đến Aizawa Securities Group chứ không chỉ cử nhân viên từ Aizawa Securities Group đến JSI.



3. Chiến lược phát triển từ trung đến dài hạn

<p>Thị trường và sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho việc kết nối với hệ thống giao dịch mới sắp được triển khai của HOSE nhằm tăng sự thuận tiện và khả năng tiếp cận cho nhà đầu tư. Dự kiến đưa ra các sản phẩm đa dạng như quỹ ETF, quỹ tương hỗ thu hút và đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài. 	<p>Mô hình kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng mô hình kinh doanh môi giới bền vững, tạo giá trị đồng bộ cho các bên liên quan và xã hội Kết nối các nhà đầu tư nước ngoài và công ty Việt Nam, cung cấp các thông tin giá trị và hỗ trợ nhu cầu đầu tư của họ tại Việt Nam. 	<p>Quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục hoàn thiện các văn bản, quy định, quy trình, chính sách nội bộ nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế tối đa rủi ro trong vận hành. Là một thành viên của Aizawa Securities Group, chúng tôi hướng tới thiết lập cơ chế quản trị doanh nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn toàn cầu.
<p>Sự hài lòng của khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> Luôn cố hết sức để đáp ứng các nhu cầu nhiều mặt của khách hàng bằng cách cung cấp các thông tin và dịch vụ giá trị gia tăng chất lượng cao. Cung cấp nền tảng giao dịch mới nhất và được hệ thống hóa, và hướng đến khả năng khớp lệnh cạnh tranh cho tất cả khách hàng. 	<p>Nguồn nhân lực</p> <ul style="list-style-type: none"> Tất cả nhân viên làm việc với niềm tự hào và ý thức của một người chuyên nghiệp, nỗ lực tối đa để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tạo cho nhân viên môi trường làm việc phù hợp để phát huy tối đa khả năng của họ và giúp tất cả nhân viên có một cuộc sống sung túc. 	<p>Nguồn tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Trên nền tảng của cơ sở tài chính vững chắc, chúng tôi xây dựng một cấu trúc tài chính khỏe mạnh bằng cách tối đa hóa lợi nhuận đồng thời giảm thiểu chi phí. Rà soát định kỳ các nội dung và phạm vi thuế ngoài, nâng cao hiệu quả quản lý và tăng giá trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu phát triển bền vững

Liên hợp quốc và Chính phủ Việt Nam đã đưa ra 17 mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải quyết những thách thức mà người dân Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đang phải đối mặt.



Chúng tôi tin rằng quản lý dựa trên Sustainable Development Goals (SDGs) là vô cùng cần thiết để tồn tại trong thị trường mang tính cạnh tranh cao như Việt Nam. Bằng cách nghiêm túc đối mặt với SDGs và đưa chúng vào trong mô hình kinh doanh, chúng tôi hy vọng sẽ giành được sự tin tưởng của khách hàng và các đối tác kinh doanh sẵn có, tạo ra sự đổi mới và sáng tạo để có được những đối tác và khách hàng mới xuất sắc.

1. Nguồn lực con người



- Đảm bảo mức sống của nhân viên bằng cách cung cấp nguồn thu nhập ổn định, các mức lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh.
- Tạo môi trường làm việc nơi nhân viên có thể phát huy khả năng và nâng cao hiệu suất làm việc.
- Cung cấp chính sách chăm sóc sức khỏe toàn diện, định kỳ và hiệu quả phù hợp với yêu cầu pháp luật và tình hình thực tế của công ty.

2. Môi trường



- Cung cấp các cơ hội đầu tư trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội, và trái phiếu bền vững nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của thế giới.
- Khuyến khích bảo vệ môi trường nơi công sở thông qua việc giảm thiểu sử dụng giấy tờ, giảm thiểu rác thải, tăng cường sử dụng các phương tiện công cộng.

3. Xã hội



- Chủ động tham gia các hoạt động xã hội và bảo vệ môi trường, đóng góp cho các quỹ, tham gia các chiến dịch phòng chống dịch Covid-19 do chính phủ phát động.

4. Quản trị



- Nâng cao quản trị doanh nghiệp bằng cách xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, có trách nhiệm và minh bạch.
- Áp dụng các quy trình - quy định - chính sách nội bộ chặt chẽ để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động.
- Thực hiện chính sách phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc trong quy chế nội bộ, trong đó nêu rõ trách nhiệm của các cấp từ lãnh đạo đến nhân viên, xây dựng chế tài xử lý hiệu quả và hợp lý, đã được Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội phê duyệt.

QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Xây dựng chính sách rủi ro

Cơ sở xây dựng chính sách rủi ro dựa trên các yếu tố sau:

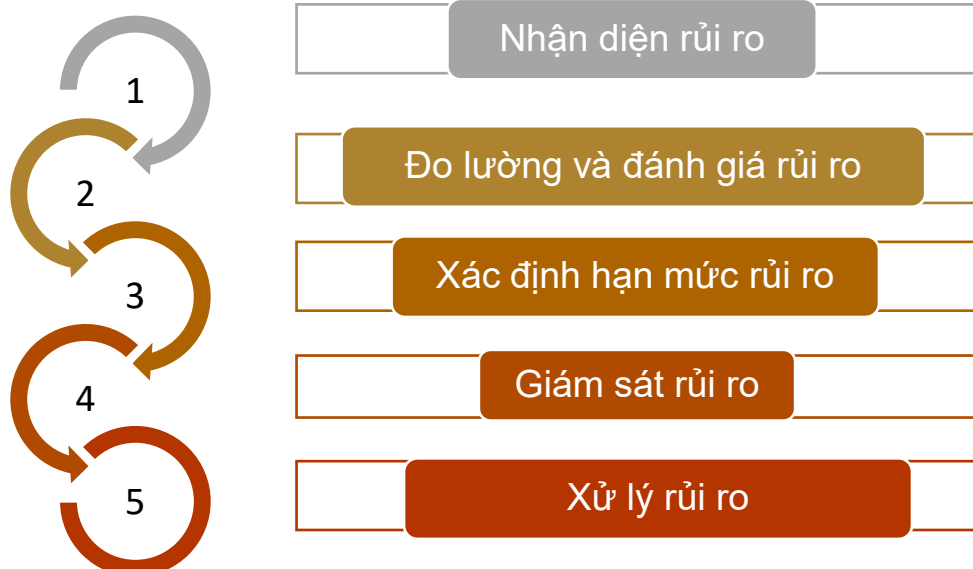
- Chiến lược hoạt động của công ty.
- Khả năng chấp nhận rủi ro của công ty.
- Sự hiểu biết các công cụ tài chính chịu rủi ro tại công ty.
- Mức độ chuyên nghiệp về quản trị rủi ro của đội ngũ thừa hành.
- Tham khảo các hoạt động quản trị rủi ro trong quá khứ và hiện hành trên thị trường.
- Tuân thủ và vận dụng quy định pháp lý về Quản trị rủi ro.

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc, Chủ tịch công ty sẽ ban hành chính sách quản trị rủi ro. Bao gồm các nội dung sau:

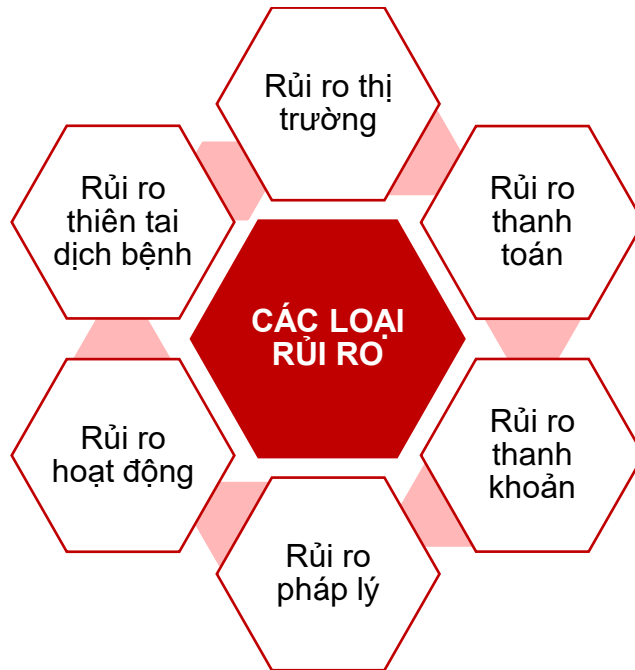
- Các loại rủi ro có thể xảy ra.
- Khả năng chấp nhận rủi ro của công ty.
- Hạn mức cho từng loại rủi ro.
- Các công cụ tài chính chịu rủi ro.
- Phương án tổ chức Quản trị rủi ro.
- Các phương pháp xác định và đo lường rủi ro.
- Nguyên tắc và biện pháp xử lý rủi ro.

2. Hoạt động quản trị rủi ro

Hoạt động Quản trị rủi ro được tiến hành theo 05 bước:



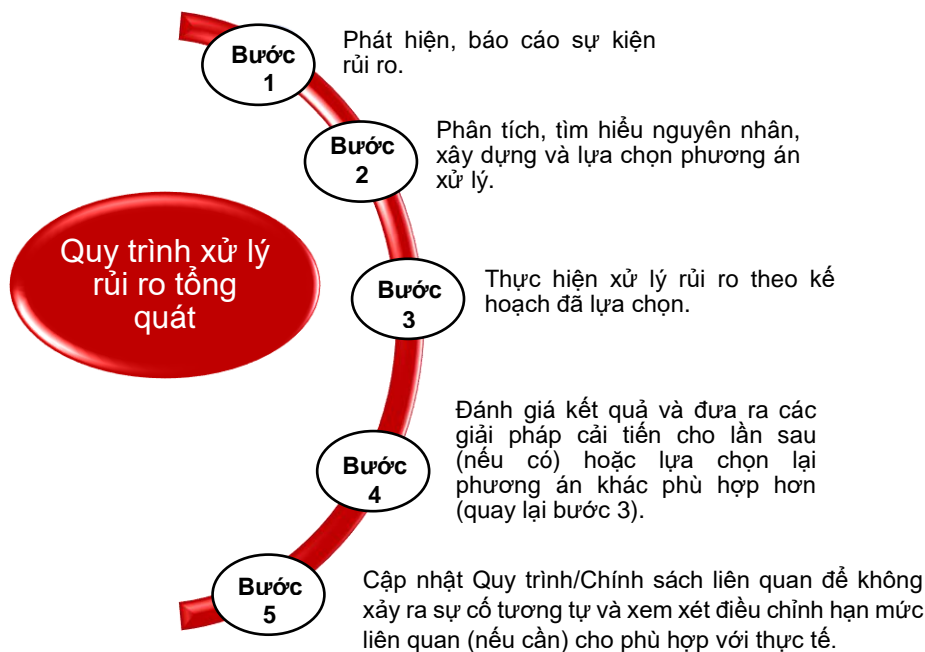
Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:



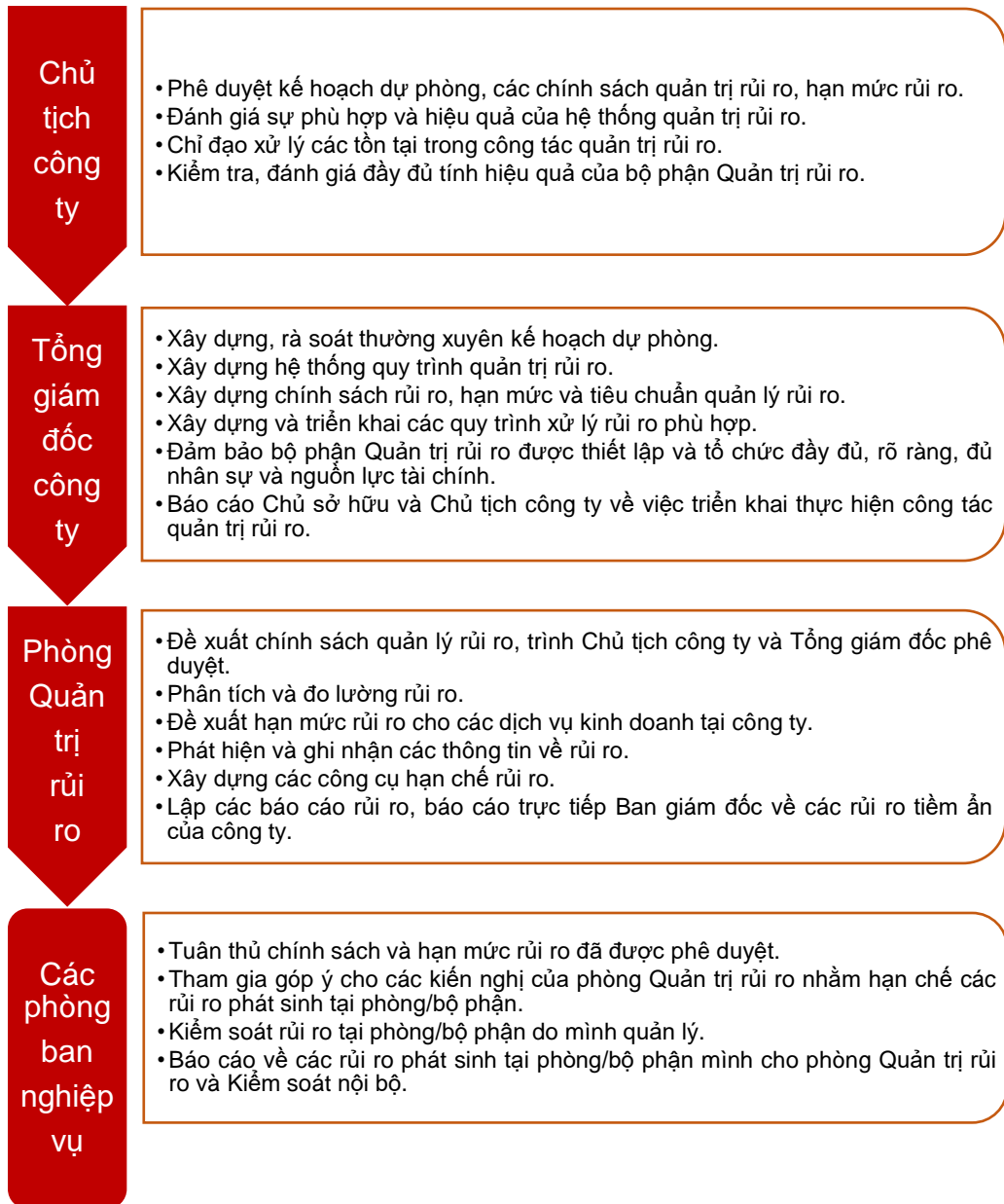
Loại rủi ro	Mô tả rủi ro	Hình thức kiểm soát rủi ro
Rủi ro thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Xảy ra khi thị trường biến động bất lợi làm ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn tiền cho hoạt động kinh doanh của công ty, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư của hoạt động tự doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> Các phòng ban nghiệp vụ trong công ty có trách nhiệm phối hợp theo dõi biến động về giá cả chứng khoán, lãi suất trái phiếu, xu hướng thị trường; báo cáo cho Ban lãnh đạo nhằm đưa ra các giải pháp hợp lý, kịp thời.
Rủi ro thanh toán	<ul style="list-style-type: none"> Là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. 	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát. Do đặc thù hoạt động cho vay ứng trước tiền bán dựa trên tài sản đảm bảo là tiền bán chờ về của khách hàng dưới sự quản lý chặt chẽ của hệ thống phần mềm, công ty hầu như không gặp rủi ro hoặc xác suất rủi ro là rất thấp cho hoạt động này.
Rủi ro pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn hoặc do các nguyên nhân khác. 	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Tiến hành các chương trình kiểm soát nội bộ để giám sát và báo cáo về tính tuân thủ hoặc các vấn đề khác, thường xuyên rà soát, sửa đổi và ban hành các quy định, quy trình làm việc. Tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý hoặc các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.

Loại rủi ro	Mô tả rủi ro	Hình thức kiểm soát rủi ro
Rủi ro thanh khoản	Là rủi ro xảy ra khi công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ở các ngân hàng và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng do sự thay đổi luồng tiền. - Quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư và nguồn tiền của công ty.
Rủi ro hoạt động	Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người phát sinh trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ, phát sinh do lỗi trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc sơ xuất trong vận hành kinh doanh gây thiệt hại...	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành các quy trình làm việc cụ thể nhằm đảm bảo mọi thao tác đều được thực hiện trên nguyên tắc kiểm tra chéo lẫn nhau. - Tổ chức các khóa đào tạo và hỗ trợ nhân viên tham dự các khóa học chuyên môn để nâng cao kiến thức về nghiệp vụ và pháp luật. - Thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ từ nguồn lãi của các năm trước để lại.
Rủi ro thiên tai dịch bệnh	Là các rủi ro xảy ra do thiên tai, dịch bệnh gây ra làm ảnh hưởng đến việc hoạt động liên tục của công ty.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh...nhằm đảm bảo cho hoạt động liên tục. - Ban hành các chính sách để áp dụng kịp thời khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh như quy trình làm việc từ xa, chính sách bảo vệ tài sản và bảo mật thông tin... - Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nhân sự để ứng phó với các tình huống khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

3. Quy trình xử lý rủi ro tổng quát



4. Phân quyền trong quản trị rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Bối cảnh thị trường 2022

2022 có thể nói là một năm đầy biến động mang đến nhiều khó khăn cho thị trường tài chính Việt Nam cũng như toàn thế giới, khi đây là năm của sự phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid 19, nhưng lại chịu áp lực từ một loạt các sự kiện “thiên nga đen”. Cũng phải thừa nhận rằng mức điều chỉnh giảm hơn 30% trong năm 2022 là không quá tồi tệ sau những pha tăng mạnh ở năm 2020 và 2021, thời điểm chứng kiến lượng tiền dồi dào lưu thông trong thị trường chứng khoán do mặt bằng lãi suất thấp khuyến khích hoạt động đầu

tư và vay nợ. Năm 2022 sau đó lại đối mặt với tiến trình tăng lãi suất quá nhanh để đối phó với biến số lạm phát tăng ngoài dự kiến của các ngân hàng trung ương do tác động từ giá dầu (do cuộc chiến Nga Ukraine) và đồ vỡ chuỗi cung ứng (khi Trung Quốc áp dụng chính sách Zero Covid). Cùng với đó, trong nước, thị trường lại chịu ảnh hưởng quá nhiều từ các sự kiện xấu ảnh hưởng đến tâm lý thị trường và niềm tin của nhà đầu tư mặc dù chúng đều là hành động của chính phủ mang tính chất thanh lọc để phát triển thị trường dài hạn. Xuất phát điểm là sự kiện nguyên chủ tịch một tập đoàn lớn bán chui cổ phiếu, sau đó sai phạm trong phát hành trái phiếu đến từ hai tập đoàn bất động sản lớn khác, ảnh hưởng tiêu cực đến ngành bất động sản và thị trường vốn nói chung, đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trước giờ đã dựa trên nền tảng thiếu vững chắc từ lớp nhà đầu tư nghiệp dư hay nói đúng hơn là người gửi tiết kiệm hiểu sai mục đích do sự mập mờ trong tư vấn và giới thiệu của các ngân hàng và công ty chứng khoán.

Dù thị trường trong xu hướng giảm điểm nhưng Việt Nam đã có thêm gần 2.6 triệu tài khoản chứng khoán được mở mới, tăng trưởng 60% so với năm trước, ghi nhận con số kỷ lục trong 22 năm hoạt động. Tính đến cuối năm 2022, số tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước đã vượt 6.8 triệu tài khoản, trong khi nhà đầu tư nước ngoài có tổng cộng hơn 42,700 tài khoản. Giá trị vốn hóa cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCoM tính đến cuối năm 2022 ước đạt hơn 5.2 triệu tỷ đồng, giảm 32% so với cuối năm 2021, trong đó chỉ số đại diện cho thị trường VNIndex giảm gần 32% so với cuối năm 2021 từ đỉnh 1,525.08 xuống 1,007.09 điểm. Cùng với diễn biến không tích cực đó của VNIndex, theo như báo cáo của UBCKNN, thanh khoản thị trường cũng sụt giảm đáng kể, giảm gần 60% từ mức giao dịch bình quân 31,160 tỷ đồng/phiên trong quý I 2022, xuống mức thấp nhất trong tháng 11 là 13,017 tỷ đồng/phiên. Dư nợ cho vay ký quỹ của các công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2022 vào khoảng 115,000 tỷ đồng, so với 200,000 tỷ cuối năm 2021.

2. Kết quả kinh doanh của JSI

Trong bối cảnh thị trường tiêu cực, kết quả kinh doanh của JSI không tránh khỏi việc bị ảnh hưởng. Sau khi ghi nhận kết quả tốt nhất kể từ ngày thành lập với lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 22.5 tỷ đồng, JSI ghi nhận lợi nhuận trước thuế giảm gần 40% trong năm 2022, xuống còn 13.7 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động cả năm 2022 đạt 35.9 tỷ đồng, giảm 12% chủ yếu do doanh thu nghiệp vụ môi giới giảm đáng kể so với năm trước. Chi phí hoạt động cũng giảm tương ứng khoảng 10%. Lợi nhuận sau thuế giảm mạnh từ 18.4 tỷ đồng xuống còn 10.9 tỷ đồng, tương đương giảm 40.72%.

Dịch vụ môi giới chứng khoán khách hàng tổ chức nước ngoài vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi của JSI.

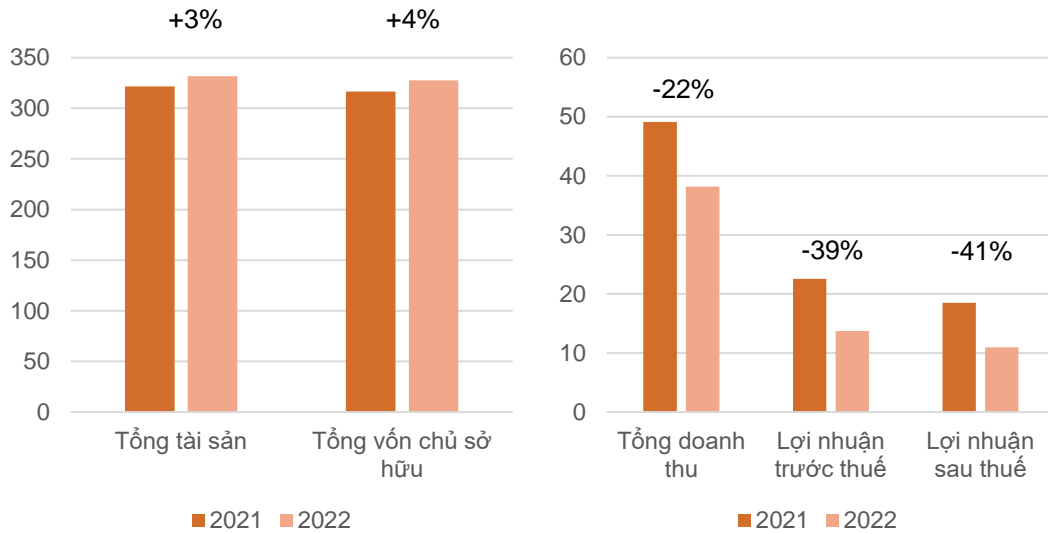
Đơn vị: Việt Nam đồng

Doanh thu môi giới chứng khoán	2022	2021	% Thay đổi
Khách hàng tổ chức nước ngoài	15,822,599,464	20,254,348,467	-21.9%
Khách hàng cá nhân nước ngoài	505,988,937	1,391,781,775	-63.6%
Khách hàng cá nhân nội địa	677,603,528	1,884,543,411	-64.0%
Khách hàng tổ chức nội địa	1,231,181	16,859,100	-92.7%
Tổng	17,081,736,193	23,547,532,753	-27.5%

Về nghiệp vụ tự doanh, trong năm 2022, ngoài việc bán tất cả các khoản đầu tư để thực hiện hóa lợi nhuận, JSI không thực hiện đầu tư mới vào chứng chỉ quỹ để đảm bảo an toàn vốn trong giai đoạn khó khăn của thị trường.

Chúng tôi cho rằng hoạt động kinh doanh của JSI đang duy trì ở mức ổn định và lạc quan mặc dù mảng kinh doanh ghi nhận tăng trưởng âm, đây cũng là xu hướng chung của các công ty chứng khoán khi trải qua giai đoạn thị trường trong xu hướng giảm.

Kết quả kinh doanh 2021 - 2022 (Tỷ VND)



3. Triển vọng kinh doanh

Dù trong ngắn và trung hạn, ngành chứng khoán được đánh giá là khó khăn khi mà thế giới lẫn nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ suy thoái, lạm phát tiếp tục tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến tổng giá trị giao dịch, ngành chứng khoán là ngành giữ vị trí quan trọng và là một phần không thể tách rời của thị trường vốn. Thị trường vốn là một trụ cột quan trọng của thị trường tài chính và là đại diện thúc đẩy phát triển cho một hệ tuần hoàn của nền kinh tế Việt Nam – nền kinh tế đang được đánh giá là phát triển tiềm năng trong khu vực.

Nhìn chung trong bối cảnh thị trường năm 2023 và các năm tiếp theo, chúng tôi cho rằng JSI sẽ phải nỗ lực để hoàn thành mục tiêu kế hoạch lợi nhuận của mình. Mặc dù vậy, việc thị trường có khởi sắc hay không cũng như việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận phụ thuộc phần lớn vào chính sách vĩ mô của chính phủ. Bản thân JSI, một mặt cũng nỗ lực trong việc tìm kiếm các khách hàng tổ chức mới trong phạm vi toàn cầu thay vì chỉ trong khu vực Đông Nam Á, mặt khác cũng đang từng ngày cải thiện chất lượng hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư của mình nhằm tạo uy tín và sự tin tưởng từ các nhà đầu tư, qua đó hướng tới ghi nhận tăng trưởng trong hoạt động cốt lõi của mình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2022 là một năm kinh doanh khá khó khăn với JSI nói riêng và các công ty chứng khoán nói chung do sự sụt giảm mạnh của thanh khoản thị trường. Điều kiện thị trường không thuận lợi này gây bất lợi cho các hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, đặc biệt những mảng phụ thuộc nhiều vào thanh khoản và giá trị giao dịch thị trường như môi giới chứng khoán. Kết thúc năm 2022, Công ty ghi nhận tổng doanh thu đạt 38,16 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 13,72 tỷ đồng với chi phí hoạt động giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm 88% tổng tài sản Công ty, trong số đó các loại tài sản có tính thanh khoản cao như tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng chiếm 87%. Tổng số dư tiền gửi tại ngân hàng của JSI ở mức 305 tỷ đồng cuối năm 2022, tăng 19% so với mức cuối năm 2021.

Các khoản nợ ngắn hạn giảm đáng kể giúp các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn của JSI được cải thiện.

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	321,684,891,168	331,606,986,378	3.08%
Doanh thu thuần	49,120,015,701	38,158,853,340	-22.32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,387,722,917	11,559,793,319	-19.66%
Lợi nhuận khác	8,169,147,440	2,160,144,277	-73.56%
Lợi nhuận trước thuế	22,556,870,357	13,719,937,596	-39.18%
Lợi nhuận sau thuế	18,482,119,666	10,956,342,038	-40.72%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2021	2022
1. Quy mô vốn		
Vốn điều lệ (VND)	300,000,000,000	300,000,000,000
Tổng tài sản (VND)	321,684,891,168	331,606,986,378
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	733.94	747.11
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh số huy động tiền gửi (VND)	12,292,713,700	14,643,555,461
Doanh số cho vay (VND)	135,999,911	32,793,704
3. Khả năng thanh khoản		
Khả năng thanh toán ngay (lần)	32.15	68.75
Khả năng thanh toán chung (lần)	60.81	77.92

Chỉ tiêu	2021	2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
<u>Tài sản ngắn hạn</u>	32.15	68.75
Nợ ngắn hạn		
Hệ số thanh toán nhanh:		
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	32.15	68.75
Nợ ngắn hạn		
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
<u>Hệ số nợ</u>		
Tổng tài sản	0.02	0.01
<u>Hệ số nợ</u>		
Vốn chủ sở hữu	0.02	0.01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản:		
<u>Doanh thu thuần</u>	0.16	0.12
Tổng tài sản bình quân		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
<u>Lợi nhuận sau thuế</u>		
Doanh thu thuần	0.38	0.29
<u>Lợi nhuận sau thuế</u>		
Vốn chủ sở hữu	0.06	0.04
<u>Lợi nhuận sau thuế</u>		
Tổng tài sản	0.06	0.03
<u>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</u>		
Doanh thu thuần	0.29	0.3

3. Tình hình tài sản

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		Tăng trưởng
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	160,709,313,571	50	292,580,972,428	88.2	82.06
Tài sản tài chính	159,366,849,927	49.6	290,240,176,147	87.5	82.12
Tài sản ngắn hạn khác	1,342,463,644	0.4	2,340,796,281	0.7	74.37
Tài sản dài hạn	160,975,577,597	50	39,026,013,950	11.8	-75.76
Tài sản tài chính dài hạn	150,000,000,000	46.6	30,000,000,000	9	-80
Tài sản cố định	8,081,509,878	2.5	5,893,246,449	1.8	-27.08
Tài sản dài hạn khác	2,894,067,719	0.9	3,132,767,501	1	8.25
Tổng cộng tài sản	321,684,891,168	100	331,606,986,378	100	3.08

4. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		Tăng trưởng (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	4,999,359,739	94.5	4,255,790,134	100	-14.87
Phải trả người bán ngắn hạn	212,092,251	4	186,820,140	4.4	-11.92
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,738,716,407	32.9	1,955,272,445	45.9	12.45
Phải trả người lao động	2,444,926,819	46.2	1,506,113,339	35.4	-38.4
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	85,042,400	1.6	96,309,400	2.3	13.25
Chi phí phải trả ngắn hạn	299,040,527	5.7	392,801,189	9.2	31.35
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	219,541,335	4.1	118,473,621	2.8	-46.04
Nợ phải trả dài hạn	290,677,223	5.5	0	0	-100
Tổng cộng nợ phải trả	5,290,036,962	100	4,255,790,134	100	-19.55

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô Việt Nam có mức tăng trưởng ấn tượng so với tình hình chung của kinh tế thế giới, môi trường đầu tư, kinh doanh được đảm bảo nhờ các chính sách tiền tệ ổn định và phù hợp. Lãi suất trên thị trường vốn và tiền tệ có xu hướng tăng. Những yếu tố kể trên đã có tác động một cách tích cực đến hoạt động của nguồn vốn và kinh doanh tài chính JSI.

Trong năm 2022, trước những biến động khó đoán định của thị trường cổ phiếu, khối tự doanh của JSI đã tích cực thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt lợi nhuận kỳ vọng. Công ty cũng chuyển dần một phần tài sản đầu tư từ chứng chỉ quỹ sang chứng chỉ tiền gửi. Cụ thể, năm 2022 các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ giảm 9% và được chuyển đổi sang các khoản đầu tư mới vào chứng chỉ tiền gửi. Tổng số dư tiền gửi tại ngân hàng tăng 19% với doanh thu tiền gửi năm 2022 tăng tương ứng 19%.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Chúng tôi hiểu rõ, doanh nghiệp không tồn tại riêng lẻ, sự phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự phát triển, vận hành của nền kinh tế, môi trường và xã hội. JSI hướng tới mục tiêu phát triển bền vững thông qua các giá trị mà chúng tôi có thể đem lại cho cộng đồng.

1. Bảo vệ môi trường

Luôn ý thức được tầm quan trọng của hệ sinh thái đối với con người, JSI luôn hướng tới một môi trường xanh – sạch – đẹp. Tại JSI, mỗi cá nhân đều nỗ lực đóng góp một phần sức lực nhỏ bé nhằm tiết kiệm điện năng, nguồn nước,... hạn chế sử dụng các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường như chai nhựa, túi ni-lông,... tái chế giấy in, hộp carton, túi nhựa. Trong năm 2022, JSI không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường.

2. Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

LUÔN HÀNH ĐỘNG VÌ LỢI ÍCH TỐT NHẤT CỦA CỘNG ĐỒNG là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của JSI. Trách nhiệm đối với xã hội, Nhà nước, thị trường, khách hàng và người lao động được JSI thực hiện như sau:



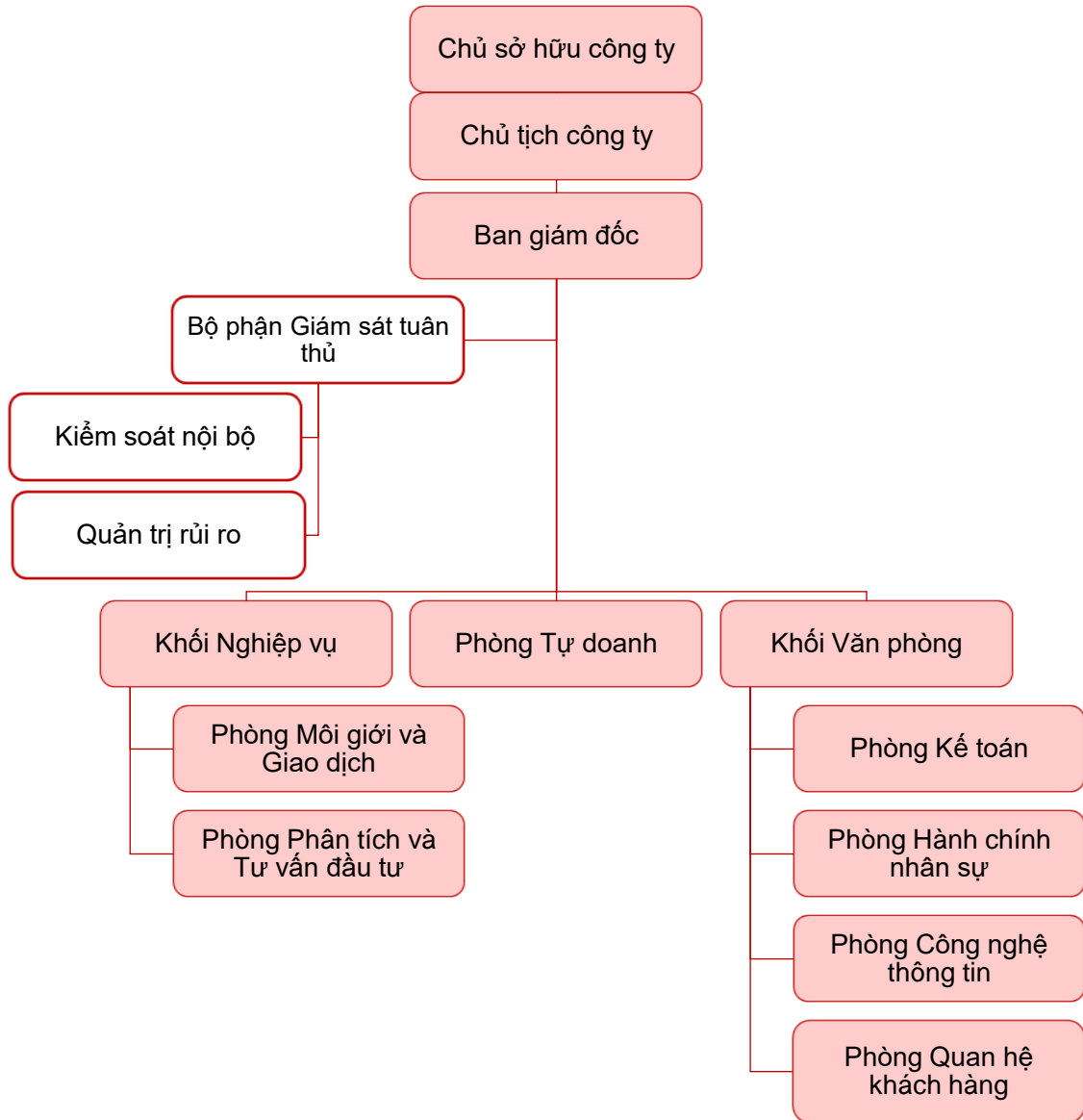
3. Hoạt động thị trường vốn xanh

Là một công ty chứng khoán, hoạt động trong lĩnh vực tài chính, không sản xuất ra các sản phẩm vật thể, JSI không có những hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Tuy vậy, công ty luôn ý thức về sự đóng góp dù là nhỏ bé đối với hành tinh xanh.

Đội ngũ Phân tích Tư vấn của công ty – trong quá trình thực hiện các báo cáo phân tích của mình – luôn đặt cao yếu tố xanh/bền vững làm một chỉ tiêu đánh giá. Bên cạnh những yếu tố thiết yếu như hoạt động kinh doanh và tiềm năng phát triển, JSI cũng đánh giá cao cổ phiếu của những công ty chú trọng đến tác động với môi trường, có các hoạt động tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và môi trường. Đây là các nội dung quan trọng mà JSI muốn nhấn mạnh với nhà đầu tư, qua đó thể hiện trách nhiệm của công ty đến các hoạt động xanh của thị trường vốn.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Cơ cấu bộ máy quản lý



2. Mô hình quản trị

JSI quản trị theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tổ chức quản lý và hoạt động được thực hiện theo Khoản a Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc. Công ty không có Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.

- Chủ sở hữu là Tập đoàn Chứng khoán Aizawa có trụ sở chính tại Nhật Bản, có toàn quyền quyết định các vấn đề của công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn góp cũng chính là số vốn điều lệ của công ty.

- Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định tại Điều lệ.
- Ban giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ sở hữu công ty và Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Các Phó tổng giám đốc do Tổng giám đốc phân công trực tiếp, thực hiện chỉ đạo một số nội dung công việc và một số nội dung uỷ quyền theo phân quyền.
- Bộ phận Giám sát tuân thủ bao gồm Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro hoạt động độc lập và chuyên trách, hỗ trợ Chủ tịch công ty và Ban giám đốc trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro theo các nội dung được quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản nội bộ tương ứng, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của công ty được vận hành một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp. Bộ phận Giám sát tuân thủ có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý trong mọi hoạt động điều hành và vận hành, hoạt động độc lập, trực tiếp báo cáo Chủ tịch công ty và Ban giám đốc tất cả các vấn đề liên quan đến giám sát tuân thủ chung của toàn công ty. Bộ phận Giám sát tuân thủ được xây dựng và đảm bảo một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh, vận hành thống nhất, với đầy đủ bộ máy nhân sự và quy trình, nhằm có thể phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các rủi ro có thể gặp phải trong quá trình hoạt động của công ty.
- Các trưởng phòng ban trực tiếp giải quyết công việc cụ thể và chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động của phòng ban đó trước Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

- Mô hình hoạt động của JSI là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu. Theo đó, các thành viên Ban điều hành (bao gồm Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc, cùng các trưởng phòng ban) đều không phải là cổ đông và không nắm giữ cổ phần của công ty. Do vậy, các thành viên Ban điều hành được hưởng các chế độ lương thưởng, nghỉ phép, bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ... tương tự như người lao động của công ty. Một số chế độ đãi ngộ cao hơn như sử dụng xe ô tô, thanh toán chi phí điện thoại trên thực tế phát sinh, hỗ trợ chi phí nhà ở đối với các thành viên là chuyên gia người nước ngoài do công ty mẹ cử sang nhận nhiệm vụ theo nhiệm kỳ có thời hạn... được quy định cụ thể trong quy chế tài chính nội bộ.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban điều hành trong năm 2022 cụ thể như sau:

ÔNG TSUYOSHI IMAI

Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc

Ông Imai đã có kinh nghiệm hơn 30 năm làm quản lý tại các công ty chứng khoán và tập đoàn đầu tư tại Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản và hơn 5 năm kinh nghiệm tại thị trường Việt Nam. Ngoài công việc điều hành hoạt động chung của cả công ty, ông còn trực tiếp phụ trách phòng Tự doanh.

ÔNG TOMONORI TSUCHIYA

Phó tổng giám đốc

Trước khi được cử sang đảm nhiệm công tác tại JSI, ông Tsuchiya đã có kinh nghiệm gần 20 năm làm việc tại Tập đoàn Chứng khoán Aizawa – chủ sở hữu của JSI. Hiện, ông đang đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc trực tiếp quản lý khối Nghiệp vụ của công ty.

BÀ NGUYỄN THỊ THU TRANG

Phó tổng giám đốc

Gia nhập JSI từ những ngày đầu thành lập, bà Trang từng được giao đảm nhiệm các chức vụ Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán tại công ty. Hiện, bà đang đảm nhiệm vị trí Phó tổng giám đốc trực tiếp quản lý khối Văn phòng của công ty.

BÀ KHÔNG THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

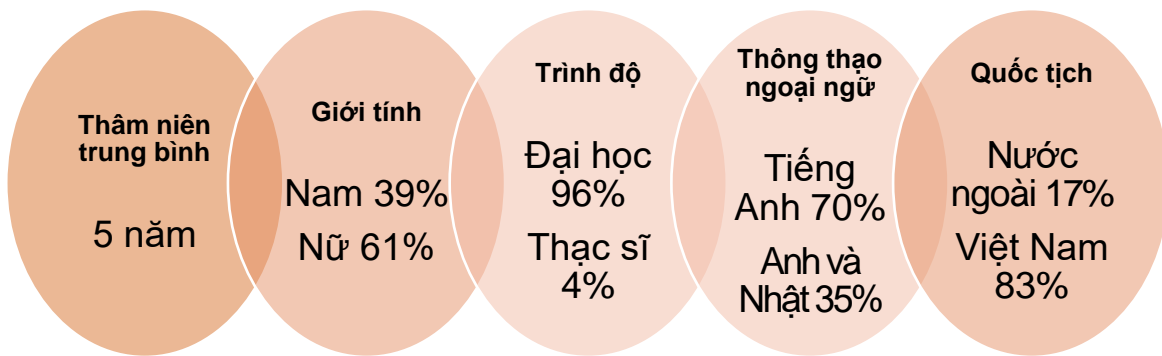
Với bề dày hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán, và gia nhập JSI từ năm 2010, bà Hương chính thức được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của công ty kể từ đầu năm 2019.

2. Nhân sự

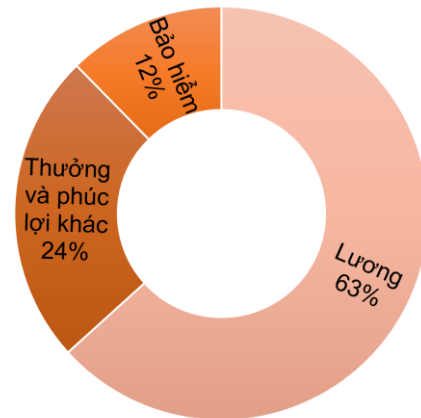
JSI hiểu rằng, con người luôn là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Do đó, nguồn nhân lực chất lượng cao, chính sách giữ chân nhân tài luôn là điều JSI hướng tới. Điều đó được thể hiện tại con số 5 năm đối với thâm niên trung bình tại công ty; nhân sự đạt trình độ đại học là 96% và trên đại học là 4%; trên 70% nhân sự toàn công ty thành thạo tiếng Anh và trên 30% nhân sự toàn công ty thành thạo hai ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Nhật. Ngoài ra, số nhân sự đạt được chứng chỉ hành nghề chứng khoán đạt 52%.

Tính đến cuối năm 2022, tổng nhân sự tại JSI là 23 người, trong đó cơ cấu như sau:

CƠ CẤU NHÂN SỰ

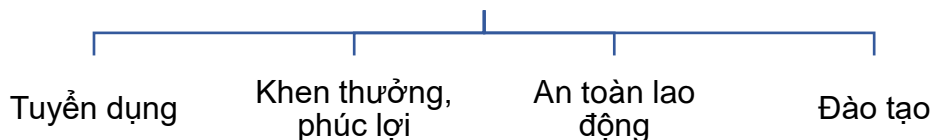


Trong năm 2022, tổng chi phí dành cho người lao động tại JSI là 8.7 tỷ đồng tương ứng với mức trung bình 379 triệu đồng/lao động. Trong đó, lương chiếm 63% chi phí, thưởng và các phúc lợi khác chiếm 24% tổng chi phí.



3. Chính Sách Lao Động

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG



TUYỂN DỤNG

Sự phù hợp là yếu tố hàng đầu trong tuyển dụng tại JSI. Nhân sự của chúng tôi được tuyển chọn kỹ càng dựa trên nhiều tiêu chí phù hợp với từng vị trí công việc.

Chính sách tuyển dụng của JSI được xây dựng linh hoạt, hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; hình thức tuyển dụng (online hoặc offline) linh hoạt tùy theo vị trí và tình hình thực tiễn.

KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

- Thu nhập bình quân của nhân viên liên tục tăng trưởng qua các năm, chế độ về lương và phụ cấp đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và trình độ của từng người.
- Nhằm khuyến khích nhân sự nâng cao năng lực, thu hút nhân sự chất lượng cao, JSI áp dụng chính sách phụ cấp ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Nhật, phụ cấp chứng chỉ hành nghề. Ngoài ra, phụ cấp thâm niên được áp dụng đồng thời nhằm tri ân sự đóng góp của cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của công ty.
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi, đãi ngộ được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Hệ thống đánh giá năng lực nhân sự KPI được áp dụng và hoàn thiện theo tình hình thực tiễn công việc. Năng lực và sự cống hiến của nhân sự đối với công ty được đánh giá thường niên một cách cụ thể và minh bạch.
- Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được công ty tuân thủ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.
- Các hoạt động kết nối người lao động như tiệc tất niên, du lịch Công ty, kêu gọi tham gia hoạt động từ thiện...được tổ chức thường niên, giúp nâng cao tinh thần đoàn kết trong tổ chức.

AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tại JSI, ngoài việc thuê ngoài đơn vị chuyên nghiệp thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, việc tuyên truyền, nhắc nhở trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...tới người lao động luôn được chú trọng thực hiện, kiểm tra và giám sát định kỳ. Hàng năm, toàn bộ cán bộ nhân viên được tham gia gói khám sức khỏe cao cấp do công ty chi trả.

ĐÀO TẠO

- Số giờ đào tạo trung bình là 40 giờ/nhân viên/năm.
- Nội dung đào tạo đa dạng phong phú, bao gồm cả nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ chứng khoán và ngoại ngữ, dành cho tất cả nhân sự Việt Nam và nước ngoài, bám sát nhu cầu thực tiễn.
- Công ty đảm bảo những chính sách hỗ trợ một cách công bằng cho tất cả nhân sự, nhằm thúc đẩy và khuyến khích nhân sự học tập suốt đời, nâng cao kỹ năng và hiểu biết về ngành, tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn.
- JSI đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chi tiết với từng cấp bậc nhân sự trong mỗi giai đoạn phù hợp. Mục đích của chương trình nhằm:
 - (1) Đảm bảo nhân sự có kiến thức cơ bản về ngành chứng khoán nói chung và về công ty nói riêng;
 - (2) Đào tạo các kỹ năng cần thiết và đáp ứng yêu cầu công việc và lộ trình phát triển của nhân sự, từ đó, đáp ứng được các đòi hỏi ngày càng cao của thị trường;
 - (3) Phát triển đội ngũ nhân sự vững mạnh, đào tạo đội ngũ kế cận, tạo nền tảng vững chắc giúp công ty phát triển bền vững;
 - (4) Xây dựng công ty gắn kết và hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng.

CẤP BẠC NHÂN SỰ		NỘI DUNG ĐÀO TẠO	MỤC ĐÍCH	THỜI GIAN		
Nhận việc	Thử việc	Nội quy lao động của công ty	Hiểu biết chung về ngành và công ty	1 ngày		
		Cam kết bảo mật				
Nhân viên chính thức	Thử việc	Quy trình quy định chung				
		Cơ cấu tổ chức của công ty				
	Nhân viên chính thức	Thử việc		Hiểu biết cơ bản về ngành chứng khoán		
				Sản phẩm dịch vụ của công ty		
		Công việc chung của phòng ban				
		Nội dung công việc cơ bản				
		Phó phòng	Thử việc	Kỹ năng thuyết trình, thực hiện báo cáo và báo cáo	Các kỹ năng cơ bản đáp ứng nhu cầu công việc	2 năm
				Nội dung công việc chuyên sâu: - Tự thực hiện các nội dung công việc được giao - Lập và kiểm soát các báo cáo công việc liên quan		
Trưởng phòng trở lên	Thử việc		Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: - Đối tượng: Đồng nghiệp, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý... - Phương thức: Trực tiếp, qua email, điện thoại, chat...			
			Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý công việc hiệu quả			
	Trưởng phòng trở lên		Thử việc	Kỹ năng làm việc nhóm, trong phòng ban, và với các phòng ban khác		
				Kỹ năng quản lý, tổ chức, điều hành đội nhóm một cách hiệu quả		
				Kỹ năng giao việc và huấn luyện nhân sự		
				Kỹ năng tổ chức điều hành cuộc họp hiệu quả		
				Kỹ năng tư vấn nghiệp vụ chuyên sâu cho Ban lãnh đạo		
				Kỹ năng xây dựng văn hóa tập thể		
Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định						
Trưởng phòng trở lên	Thử việc	Kỹ năng gắn kết nhân sự, truyền động lực và năng lượng cho nhân sự				
		Kỹ năng phỏng vấn và tìm kiếm nhân tài				
			Kỹ năng quản lý điều hành	Trong quá trình làm việc		

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường năm 2023 được dự đoán sẽ trầm lắng hơn so với năm 2022. JSI cho rằng những khó khăn từ cuối năm 2022 sẽ tiếp diễn trong nửa đầu năm 2023:

Đối với thị trường quốc tế:

- Nỗi lo suy thoái do hoạt động tăng lãi suất của Fed vẫn luôn thường trực. Trong năm 2022, Fed đã quyết liệt nâng lãi suất điều hành từ vùng thấp 0.25% - 0.50% lên tới 4.50% - 4.75% vào cuối năm nhằm kiểm soát lạm phát đang tăng cao. Với việc lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt, chúng tôi dự đoán tốc độ tăng lãi suất của Fed sẽ chậm lại đáng kể trong năm 2023, tuy nhiên môi trường lãi suất cao vẫn sẽ được duy trì để kiềm chế lạm phát vẫn ở mức cao.

Căng thẳng địa chính trị ở Ukraine và các biện pháp trừng phạt mà phương Tây áp dụng lên Nga sẽ tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng và đẩy giá nguyên vật liệu lên cao.

Đối với thị trường Việt Nam:

- Ước tính khoảng 309,000 tỷ đồng trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2023, trong đó hơn 119,000 tỷ đồng trái phiếu thuộc về lĩnh vực bất động sản. Điều này sẽ gây áp lực vô cùng lớn lên các nhà phát triển bất động sản, đặc biệt trong bối cảnh việc tiếp cận với nguồn vốn ngân hàng cũng như phát hành trái phiếu vẫn còn gặp nhiều trở ngại.
- Mật bằng lãi suất cao tạo gánh nặng lãi vay lớn và ăn vào lợi nhuận của doanh nghiệp, làm giảm EPS nói chung.

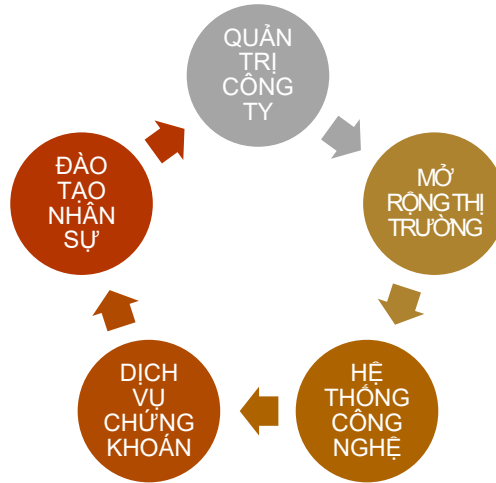
Mặt khác, các lựa chọn đầu tư như tiền gửi tiết kiệm trở nên hấp dẫn hơn so với cổ phiếu, góp phần rút thanh khoản ra khỏi thị trường chứng khoán. Tính đến cuối năm 2022, P/E của VN-Index đạt mức 10.5x lần, tương đương với lãi suất 9.5%. Trong khi đó, lãi suất huy động của nhiều ngân hàng đã vượt quá 10%.

Tuy nhiên, JSI vẫn hi vọng vào sự phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng vào nửa cuối năm 2023 với một số yếu tố hỗ trợ như:

- Chiến tranh Nga – Ukraine đi dần vào hồi kết, chuỗi cung ứng dần được nối lại.
- Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, từng bước gỡ bỏ chính sách “zero Covid” và chính thức bước vào quá trình phục hồi kinh tế. Trong đó, thị trường bất động sản của Trung Quốc gặp khó khăn là một trong những trọng tâm chính với một loạt các chính sách hỗ trợ.
- Chính phủ Việt Nam tháo gỡ các vướng mắc trong khu vực bất động sản, đặc biệt về mặt pháp lý và các quy định về phát hành trái phiếu.
- Dòng vốn ngoại bắt đầu trở lại thị trường khoán Việt Nam với chuỗi 9 tuần mua ròng liên tiếp, thể hiện sự tin tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cũng nổi lên như một điểm đến thay thế khi các nhà sản xuất dần chuyển dịch hoạt động của mình ra khỏi Trung Quốc.

Để tiếp đón các thách thức cũng như thuận lợi này, JSI đưa ra kế hoạch phát triển toàn diện cho năm 2023.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN



VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mặc dù thị trường năm 2022 không mấy tích cực, tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2022 đã phần nào cho thấy mô hình quản trị công ty đang đi đúng hướng, đảm bảo việc vận hành của công ty, đáp ứng các yêu cầu pháp lý và thực tiễn thị trường. Kế hoạch năm 2023, JSI tiếp tục kiện toàn mô hình quản trị đang thực hiện:

GIÁM SÁT

- Nhằm tăng cường hoạt động giám sát và nâng cao tính minh bạch, JSI tiếp tục bổ nhiệm nhân sự độc lập và chuyên trách phụ trách các công việc về giám sát tuân thủ, trao quyền cho bộ phận này để chủ động tiến hành công việc và kịp thời xử lý những tình huống rủi ro có thể xảy ra, giúp cho hoạt động của công ty được suôn sẻ và hiệu quả hơn.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ

- Tất cả các quy trình, quy chế nghiệp vụ và quản trị nội bộ đã được cập nhật theo mô hình tổ chức mới (từ Cổ phần sang TNHH). Trong năm 2023, JSI tiếp tục kiện toàn hệ thống nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tiễn và sự điều chỉnh từ luật định.
- Tiếp tục phân cấp phân quyền phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân/bộ phận cũng như tình hình hoạt động của công ty trong từng thời kỳ.

CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG LỰC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

- Nhằm nâng cao chất lượng và năng lực quản trị điều hành, JSI khuyến khích các nhân sự chủ chốt tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước tổ chức.

NGHIÊN CỨU ĐỂ ÁP DỤNG HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

- Cùng sự phối hợp với Công ty mẹ tại Nhật Bản, JSI đang tiến hành nghiên cứu để áp dụng hệ thống công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn Nhật Bản nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu luật định Việt Nam vào hoạt động quản trị.

VỀ THỊ TRƯỜNG

Bước sang năm 2023 và những năm tiếp theo, thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới, tiếp tục có những thay đổi mạnh mẽ theo chiều sâu cùng với việc hoàn thiện hành lang pháp lý. Hệ thống giao dịch chứng khoán mới (KRX) dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023 là tiền đề ra đời các sản phẩm và tính năng mới như bán chứng khoán trong ngày (T+0) và bán chứng khoán chờ về. Khi đó, triển vọng về nâng hạng thị trường của thị trường chứng khoán Việt Nam với FTSE và MSCI ngày càng rộng mở và gần với hiện thực hơn. Đó sẽ những điểm nhấn quan trọng để JSI giới thiệu và thu hút các khách hàng tiềm năng ở nước ngoài, cũng chính là các đối tượng khách hàng mục tiêu của JSI. Để tận dụng cơ hội đó, JSI đang và sẽ thực hiện các công việc:

- Tiếp tục phối hợp với công ty mẹ có bề dày hoạt động lâu đời tại Nhật Bản là Tập đoàn chứng khoán Aizawa thực hiện các chiến dịch marketing giới thiệu về cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhằm mở rộng hoạt động tại thị trường Nhật Bản, song song với việc tìm kiếm khách hàng tại các thị trường mới dựa trên mạng lưới các đối tác hiện có của Aizawa trên thế giới.
- Đa dạng hóa các sản phẩm báo cáo nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng hiện tại và thu hút các khách hàng tiềm năng.
- Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự tiếp cận khách hàng với việc phát triển các kỹ năng về nắm bắt thông tin thị trường, thông tin doanh nghiệp, phân tích báo cáo, ngôn ngữ...nhằm giành lợi thế trước sự cạnh tranh gay gắt của thị trường.
- Tập trung hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững như là điểm cộng cho các quyết định hợp tác đầu tư từ các khách hàng.

VỀ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Ngày 25/02/2022, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) ban hành Quy chế hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Căn cứ vào các Quy chế tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối với Sở HSX và HNX, đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin của JSI đã rà soát hệ thống hiện đang vận hành, để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, an ninh bảo mật và lưu trữ dữ liệu, phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Theo đó, trong năm 2023, JSI sẽ:

- Thực hiện nâng cấp các phần mềm giám sát hệ thống công nghệ thông tin nhằm giảm thiểu rủi ro khi vận hành hệ thống, phát hiện lỗi nhanh hơn và giúp xử lý sự cố tốt hơn. Đồng thời công ty cũng sẽ bám sát các kế hoạch kiểm thử (eUat) hệ thống KRX của các Sở HSX, HNX và VSD, từ đó cập nhập hệ thống kịp thời theo đúng yêu cầu của Sở và VSD, thực hiện thay đổi quy trình vận hành phù hợp với sự thay đổi hệ thống.
- Tiếp tục theo dõi hệ thống phần cứng đặt tại Trung tâm dữ liệu dự phòng Sở HOSE nhằm sớm phát hiện ra lỗi phần cứng và các thiết bị máy chủ cần nâng cấp để tăng hiệu năng của hệ thống, đảm bảo hoạt động ổn định cho giao dịch chứng khoán.
- Phối hợp với các phòng ban trong công ty thực hiện kế hoạch chuyển công ty sang văn phòng mới, triển khai kế hoạch di chuyển hệ thống công nghệ thông tin sang văn phòng mới an toàn, và đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin ở văn phòng mới hoạt động ổn định, chính xác.
- Triển khai thêm các phần bảo mật hệ thống công nghệ thông tin khi được Ban Giám đốc đồng ý hoặc yêu cầu thêm.
- Tùy từng thời điểm và yêu cầu thực tiễn, JSI sẽ bổ sung các chức năng cần thiết cho hệ thống để đáp ứng yêu cầu của thị trường và khách hàng.

VỀ DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Là hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty nên dịch vụ chứng khoán luôn được tập trung nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển của công ty. Để đạt được mục tiêu trung và dài hạn, các kế hoạch hoạt động được xác lập dựa trên sự kiên định với mục tiêu cung cấp các dịch vụ chứng khoán toàn diện cùng cam kết “chất lượng Nhật Bản” cho tất cả khách hàng toàn cầu giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam nhưng cũng được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn và bối cảnh thị trường.

- Thực hiện việc phân tích khách hàng để cung cấp đúng thông tin, sản phẩm, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng hiện tại, kích thích, gia tăng tần suất và giá trị giao dịch của khách hàng, đẩy mạnh phát triển khách hàng mới.
- Chú trọng cung cấp đa dạng các dịch vụ như báo cáo giao dịch, chủ động chia sẻ, cập nhật các thông tin thị trường, gặp gỡ và tham quan doanh nghiệp, ý tưởng đầu tư..., đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng nước ngoài trong việc cập nhật thông tin tại Việt Nam và ra quyết định đầu tư.
- Tiếp tục tập trung đào tạo nhân sự, đảm bảo kiến thức chuyên môn cao cũng như các kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng phục vụ công việc, nâng cao chất lượng tư vấn và chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao.
- Bên cạnh đó, bộ phận giao dịch đảm bảo khả năng thực hiện lệnh tốt nhất cho khách hàng nhất là các khách hàng tổ chức chuyên nghiệp để mang lại giá trị giao dịch lớn, đảm bảo khách hàng giao dịch nhiều hơn tại JSI.
- Nâng cao chất lượng các dịch vụ giao dịch trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế cung cấp cho nhà đầu tư. JSI tiếp tục chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng để tối ưu năng lực các hệ thống trực tuyến, cải tiến các tính năng phục vụ việc giao dịch của nhà đầu tư thêm thuận lợi.
- Cải tiến các quy trình cung cấp dịch vụ đồng thời cải tiến các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên, đặc biệt là các quy trình xử lý tình huống phát sinh nhằm nâng cao kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

VỀ NHÂN SỰ

Kế hoạch năm 2023 JSI tiếp tục quy mô nhân sự như hiện tại nhằm đảm bảo sự phù hợp nhất với mô hình kinh doanh. Với cơ cấu nhân sự nhỏ gọn, JSI tiếp tục chú trọng công việc đào tạo không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ và còn về kỹ năng quản trị công việc. Nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn là yếu tố ưu tiên hàng đầu để JSI có thể đáp ứng được yêu cầu của khách hàng quốc tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao song hành cùng với môi trường làm việc chất lượng cao – nhân tố quan trọng để giữ chân nhân tài. Với tôn chỉ “thượng tôn pháp luật”, tất cả mọi mặt trong kinh doanh nói chung và về chính sách nhân sự nói riêng, JSI luôn đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động được thực hiện một cách tốt nhất, ngoài đáp ứng được yêu cầu luật định, JSI đã áp dụng và tiếp tục xây dựng chính sách lao động nhằm tạo dựng một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, là một đại gia đình, là nơi nhân viên được thăng hoa trong công việc, được hoàn thiện bản thân cũng như đóng góp cho đại gia đình ngày càng vững mạnh, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài, tạo được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính 2022 của công ty: Chấp thuận toàn phần

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tài liệu đính kèm./.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN



TỔNG GIÁM ĐỐC

TSUYOSHI IMAI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	03 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	06 - 07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 32

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Tầng 14, tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tsuyoshi Imai	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tomonori Tsuchiya	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Tsuyoshi Imai - Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Số: 074/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2023, từ trang 03 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bàn thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		292.580.972.428	160.709.313.571
I. Tài sản tài chính	110		290.240.176.147	159.366.849.927
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	16.017.784.751	21.145.099.320
1.1. Tiền	111.1		6.017.784.751	11.145.099.320
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	31.453.386.116
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	265.000.000.000	95.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	8	1.243.672.975	2.823.799.373
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)
6. Các khoản phải thu	117	10	8.022.679.871	7.996.383.031
6.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		8.022.679.871	7.996.383.031
6.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		8.022.679.871	7.996.383.031
7. Trả trước cho người bán	118	10	97.440.000	345.253.700
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	295.893.574	306.390.490
9. Các khoản phải thu khác	122	10	806.377.951	1.540.210.872
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2.340.796.281	1.342.463.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	1.534.761.401	1.332.463.644
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		806.034.880	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		39.026.013.950	160.975.577.597
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		30.000.000.000	150.000.000.000
1. Các khoản đầu tư	212	7	30.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		30.000.000.000	150.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.893.246.449	8.081.509.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.874.091.072	5.204.938.623
- Nguyên giá	222		12.689.400.604	11.998.893.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(8.815.309.532)	(6.793.954.581)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.019.155.377	2.876.571.255
- Nguyên giá	228		8.140.142.220	8.101.892.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		(6.120.986.843)	(5.225.320.965)
III. Tài sản dài hạn khác	250		3.132.767.501	2.894.067.719
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.159.044.800	801.034.880
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11	454.140.350	669.059.035
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	1.519.582.351	1.423.973.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		331.606.986.378	321.684.891.168

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		4.255.790.134	5.290.036.962
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.255.790.134	4.999.359.739
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		186.820.140	212.092.251
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	1.955.272.445	1.738.716.407
3. Phải trả người lao động	323		1.506.113.339	2.444.926.819
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		96.309.400	85.042.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	392.801.189	299.040.527
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	118.473.621	219.541.335
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	290.677.223
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	18	-	290.677.223
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		327.351.196.244	316.394.854.206
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	327.351.196.244	316.394.854.206
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417		26.681.381.117	15.725.039.079
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		26.681.381.117	14.562.330.186
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	1.162.708.893
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		331.606.986.378	321.684.891.168

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			264,49	277,69
- JPY			115.271	115.271
2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	14.682.956.700
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	20	183.357.400.000	166.504.720.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		182.973.400.000	163.609.720.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		106.000.000	1.520.000.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		278.000.000	1.375.000.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	21	377.710.000	523.390.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		377.710.000	523.390.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	22	6.951.400.000	2.945.000.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024	23	5.128.198.600	5.127.032.300
5. Tiền gửi của khách hàng	026	24	4.939.952.621	8.892.854.249
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		4.778.207.275	8.315.354.983
5.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		158.419.017	571.878.071
5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		3.326.329	5.621.195
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	25	4.936.626.292	8.887.233.054
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		4.846.464.396	8.692.746.954
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		90.161.896	194.486.100
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		3.326.329	5.621.195




Đỗ Ngọc Phương Linh
 Người lập biểu



Khổng Thị Hương
 Kế toán trưởng




Tsuyoshi Imai
 Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		(28.315.184)	1.453.386.116
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1		1.425.070.932	-
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	26	(1.453.386.116)	1.453.386.116
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	27	14.643.555.461	12.292.713.700
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	27	32.793.704	135.999.911
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		17.081.736.193	23.547.532.753
1.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.684.821.319	3.328.132.938
1.6 Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		57.619.310	58.652.702
1.7 Thu nhập hoạt động khác	11		1.441.622.728	-
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	20		35.913.833.531	40.816.418.120
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		345.146.588	-
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1		345.146.588	-
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	28	-	(34.280.273)
2.3 Chi phí hoạt động tự doanh	26	28	48.494.267	-
2.4 Chi phí môi giới chứng khoán	27	28	15.605.927.652	18.099.323.407
2.5 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	28	1.099.734.500	947.373.092
2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	60.951.481	66.659.272
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 40)	40		17.160.254.488	19.079.075.498
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	29	84.875.171	134.446.643
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	50		84.875.171	134.446.643
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		9.222.441	3.473.400
Cộng chi phí tài chính (60 = 51)	60		9.222.441	3.473.400
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	30	7.269.438.454	7.480.592.948
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)	70		11.559.793.319	14.387.722.917

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71	31	2.160.144.638	8.169.150.938
7.2 Chi phí khác	72		361	3.498
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		2.160.144.277	8.169.147.440
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		13.719.937.596	22.556.870.357
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		15.173.323.712	21.103.484.241
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(1.453.386.116)	1.453.386.116
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		2.763.595.558	4.074.750.691
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	3.054.272.781	3.784.073.468
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	33	(290.677.223)	290.677.223
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		10.956.342.038	18.482.119.666

Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	13.719.937.596	22.556.870.357
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	2.799.351.954	2.356.009.180
- Khấu hao TSCĐ	03	2.917.020.829	2.660.736.007
- Các khoản dự phòng	04	-	(34.280.273)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(84.875.171)	(134.446.643)
- Dự thu tiền lãi	08	(32.793.704)	(135.999.911)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(21.323.768.171)	(151.889.790.563)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	31.453.386.116	(31.453.386.116)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(50.000.000.000)	(112.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	1.580.126.398	(1.325.050.294)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	68.954.283	(5.951.297.817)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	10.496.916	(23.771.950)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	(555.901.879)	(612.861.499)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	93.760.662	200.584.869
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	12.620.928	495.652.378
- Thuế TNDN đã nộp	43	(2.610.182.851)	(2.677.268.380)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(25.272.111)	(102.081.914)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	11.267.000	10.394.600
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(227.533.892)	568.961.418
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(938.813.480)	1.054.782.064
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	(101.067.714)	(39.356.665)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	(95.608.547)	(35.091.257)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(4.804.478.621)	(126.976.911.026)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(345.253.700)	(701.268.700)
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	22.417.752	134.446.643
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(322.835.948)	(566.822.057)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(5.127.314.569)	(127.543.733.083)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	21.145.099.320	148.688.832.403
- Tiền	101.1	11.145.099.320	148.688.832.403
- Các khoản tương đương tiền	101.2	10.000.000.000	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	16.017.784.751	21.145.099.320
- Tiền	103.1	6.017.784.751	11.145.099.320
- Các khoản tương đương tiền	103.2	10.000.000.000	10.000.000.000

Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng




Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023


LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	263.987.545.220	601.813.424.000
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(156.634.657.300)	(519.381.830.300)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	219.061.823.120	470.163.212.828
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(330.309.609.552)	(552.685.329.105)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(55.708.250)	(60.109.258)
6. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	12.745.666.320	10.911.410.467
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(12.747.961.186)	(10.911.132.198)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	(3.952.901.628)	(150.353.566)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	8.892.854.249	9.043.207.815
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	8.315.354.983	6.736.918.441
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	571.878.071	2.300.946.448
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	5.621.195	5.342.926
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.939.952.621	8.892.854.249
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	4.778.207.275	8.315.354.983
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	158.419.017	571.878.071
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	3.326.329	5.621.195


Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu


Không Thị Hương
Kế toán trưởng


Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2021	01/01/2022	Năm trước		Năm nay		31/12/2021	31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	160.000.000.000	300.000.000.000	140.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	19	325.801.831	325.801.831	-	-	-	-	325.801.831	325.801.831
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19	344.013.296	344.013.296	-	-	-	-	344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	19	(2.757.080.587)	15.725.039.079	18.482.119.666	-	-	10.956.342.038	15.725.039.079	26.681.381.117
Tổng vốn chủ sở hữu	19	157.912.734.540	316.394.854.206	158.482.119.666	-	-	10.956.342.038	316.394.854.206	327.351.196.244

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chi tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 19.



Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu



Không Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai

Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản) (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 129/GP-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lại và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 108/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 12 năm 2021. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điều lệ Công ty được sửa đổi và ban hành mới nhất vào ngày 24 tháng 8 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 22 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (tên cũ: Công ty Chứng khoán Aizawa): Công ty mẹ.
- Công ty Chứng khoán Aizawa (được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 2021): Cùng công ty mẹ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

- (i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (Tiếp theo)

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường/giá trị hợp lý. Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá bình quân tại ngày giao dịch gần nhất ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính.

Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty ghi nhận theo giá trị là giá trung bình các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay (Tiếp theo)

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc niên độ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> (Năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 06 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo quyết định của Chủ sở hữu.

Doanh thu

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi có định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.
- **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**
Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).
- **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu (Tiếp theo)

- **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.
- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**
Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.
- **Thu nhập hoạt động khác:**
Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	6.017.784.751	11.145.099.320
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>16.017.784.751</u>	<u>21.145.099.320</u>

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP.

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

Năm nay	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay</u>
	VND	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	1.468.296	31.079.924.344
- Chứng chỉ quỹ	1.468.296	31.079.924.344
b) Cửa nhà đầu tư	147.770.364	5.160.581.605.680
- Cổ phiếu	143.279.144	5.051.384.008.380
- Chứng chỉ quỹ	4.093.920	108.951.044.300
- Chứng khoán khác (Chứng quyền)	397.300	246.553.000
Cộng	<u>149.238.660</u>	<u>5.191.661.530.024</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM (TIẾP THEO)

Năm trước	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước
	VND	VND
a) Cửa công ty chứng khoán	1.468.296	30.000.000.000
- Chứng chỉ quỹ	1.468.296	30.000.000.000
b) Cửa nhà đầu tư	350.850.146	12.182.477.463.490
- Cổ phiếu	348.730.646	12.142.727.624.490
- Chứng chỉ quỹ	1.455.600	37.950.659.000
- Chứng khoán khác (Chứng quyền)	663.900	1.799.180.000
Cộng	352.318.442	12.212.477.463.490

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	265.000.000.000	95.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	265.000.000.000	95.000.000.000
b) Dài hạn	30.000.000.000	150.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)	30.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	295.000.000.000	245.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, lãi nhận cuối kỳ.
- (ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi nhận định kỳ hoặc cuối kỳ.

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	1.243.672.975	1.243.672.975	2.823.799.373	1.243.672.975
Cho vay hoạt động Margin (i)	1.243.672.975	1.243.672.975	1.243.672.975	1.243.672.975
Cho vay hoạt động ứng trước	-	-	1.580.126.398	-

Ghi chú:

- (i) Theo Thông báo số 001/2017/JSI-CBTT ngày 23 tháng 01 năm 2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Số dư cho vay hoạt động Margin tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 phát sinh từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh,
Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - CTCK
Ban hành kèm theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị: VND

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm	Mức (trích lập)/hoàn nhập trong năm
		Giá số sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng cuối năm		
I	Tài sản tài chính cho vay					
	Các khoản cho vay	1.243.672.975	-	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)	-
	Cho vay hoạt động Margin	1.243.672.975	-	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)	-
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8.022.679.871	7.996.383.031
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	8.014.604.115	7.986.178.090
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	8.075.756	8.075.756
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	-	2.129.185
Trả trước cho người bán	97.440.000	345.253.700
Công ty TNHH Công nghệ Skytek	55.440.000	345.253.700
Đối tượng khác	42.000.000	-
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	295.893.574	306.390.490
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	107.736.973	130.073.268
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	168.300.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	9.928.282	8.017.222
Phải thu phí dịch vụ khác	9.928.319	-
Các khoản phải thu khác	806.377.951	1.540.210.872
Công ty Chứng khoán Aizawa	746.658.964	1.491.136.066
Các khoản phải thu khác	59.718.987	49.074.806

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.534.761.401	1.332.463.644
Thuê chỗ đặt máy chủ, tủ rack offline	730.840.000	730.840.000
Chi phí bảo trì	169.006.850	169.006.850
Chi phí trả trước khác	634.914.551	432.616.794
b) Dài hạn	454.140.350	669.059.035
Chi phí thi công nội thất văn phòng	88.229.167	158.812.500
Chi phí bảo trì	32.725.000	71.825.000
Chi phí trả trước khác	333.186.183	438.421.535
Cộng	1.988.901.751	2.001.522.679

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	6.443.675.132	1.667.939.900	3.887.278.172	11.998.893.204
Mua trong năm	690.507.400	-	-	690.507.400
Số dư cuối năm	<u>7.134.182.532</u>	<u>1.667.939.900</u>	<u>3.887.278.172</u>	<u>12.689.400.604</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	3.224.987.362	885.532.610	2.683.434.609	6.793.954.581
Khấu hao trong năm	1.286.080.343	277.989.984	457.284.624	2.021.354.951
Số dư cuối năm	<u>4.511.067.705</u>	<u>1.163.522.594</u>	<u>3.140.719.233</u>	<u>8.815.309.532</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	<u>3.218.687.770</u>	<u>782.407.290</u>	<u>1.203.843.563</u>	<u>5.204.938.623</u>
Số dư cuối năm	<u>2.623.114.827</u>	<u>504.417.306</u>	<u>746.558.939</u>	<u>3.874.091.072</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.483.991.178 VND, trong đó tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 331.855.126VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 1.483.991.178 VND) và tài sản hết khấu hao chờ thanh lý là 1.152.136.052 VND.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	8.101.892.220	8.101.892.220
Mua trong năm	38.250.000	38.250.000
Số dư cuối năm	8.140.142.220	8.140.142.220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	5.225.320.965	5.225.320.965
Khấu hao trong năm	895.665.878	895.665.878
Số dư cuối năm	6.120.986.843	6.120.986.843
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	<u>2.876.571.255</u>	<u>2.876.571.255</u>
Số dư cuối năm	<u>2.019.155.377</u>	<u>2.019.155.377</u>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.739.892.220 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 2.739.892.220 VND).

14. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	998.148.875	964.997.747
Tiền lãi phân bổ	401.433.476	338.976.057
Cộng	1.519.582.351	1.423.973.804

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	74.385.957	84.483.987
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.254.272.781	810.182.851
Thuế thu nhập cá nhân	513.828.406	608.289.790
Thuế nhà thầu	112.785.301	235.759.779
Cộng	1.955.272.445	1.738.716.407

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài đã hoàn thành chưa có hoá đơn	392.801.189	299.040.527
Cộng	392.801.189	299.040.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền chờ thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của nhà đầu tư chưa chuyển VSD	-	109.430.000
Phải trả khác	118.473.621	110.111.335
Cộng	118.473.621	219.541.335

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		
Giá trị theo cơ sở tính thuế	31.453.386.116	30.000.000.000
Giá trị theo kế toán	30.000.000.000	31.453.386.116
Chênh lệch giá trị tính thuế và kế toán	(1.453.386.116)	1.453.386.116
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(290.677.223)	290.677.223
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	290.677.223	-
Ghi nhận thuế hoãn lại phải trả	(290.677.223)	290.677.223
Số dư cuối năm	-	290.677.223

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	Các quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	325.801.831	344.013.296	(2.757.080.587)	157.912.734.540
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.482.119.666	18.482.119.666
Tăng vốn điều lệ	140.000.000.000	-	-	-	140.000.000.000
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	325.801.831	344.013.296	15.725.039.079	316.394.854.206
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	10.956.342.038	10.956.342.038
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	325.801.831	344.013.296	26.681.381.117	327.351.196.244

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	182.973.400.000	163.609.720.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	106.000.000	1.520.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	278.000.000	1.375.000.000
Cộng	<u>183.357.400.000</u>	<u>166.504.720.000</u>

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	377.710.000	523.390.000
Cộng	<u>377.710.000</u>	<u>523.390.000</u>

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 6.951.400.000 VND và 2.945.000.000 VND.

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	5.128.198.600	5.127.032.300
Cộng	<u>5.128.198.600</u>	<u>5.127.032.300</u>

24. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.778.207.275	8.315.354.983
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	158.419.017	571.878.071
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	3.326.329	5.621.195
Cộng	<u>4.939.952.621</u>	<u>8.892.854.249</u>

25. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.835.769.950	8.692.746.954
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	90.161.896	194.486.100
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi thực hiện quyền mua cổ phiếu	10.694.446	-
Cộng	<u>4.936.626.292</u>	<u>8.887.233.054</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHÉNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm		Chênh lệch tăng đánh giá lại ghi nhận vào doanh thu trong năm	Chênh lệch giảm đánh giá lại ghi nhận vào chi phí trong năm
				CL Tăng	CL Giảm	CL Tăng	CL Giảm		
A	B	C	D	E	F	G	H	I	K
I	FVTPL								
1	Chứng chỉ quỹ BVBF VCBFTBF DCBF	- - - -	- - - -	- - - -	- - - -	1.453.386.116 227.064.179 814.154.240 412.167.697	- - - -	(1.453.386.116) (227.064.179) (814.154.240) (412.167.697)	- - - -
	Tổng	-	-	-	-	1.453.386.116	-	(1.453.386.116)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	14.643.555.461	12.292.713.700
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	32.793.704	135.999.911
Cộng	<u>14.676.349.165</u>	<u>12.428.713.611</u>

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	15.605.927.652	18.099.323.407
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	60.951.481	66.659.272
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.099.734.500	947.373.092
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	345.146.588	-
Chi phí hoạt động tự doanh	48.494.267	-
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	-	(34.280.273)
Cộng	<u>17.160.254.488</u>	<u>19.079.075.498</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	84.875.171	134.446.643
Cộng	<u>84.875.171</u>	<u>134.446.643</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	4.176.116.372	4.294.972.201
Chi phí vật tư văn phòng	17.065.857	19.636.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	693.858.536	602.171.646
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.868.511.331	2.053.564.938
Chi phí khác	510.886.358	507.247.579
Cộng	<u>7.269.438.454</u>	<u>7.480.592.948</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thưởng doanh số nhận được (i)	2.159.634.128	7.659.300.665
Thu nhập khác	510.510	509.850.273
Cộng	2.160.144.638	8.169.150.938

Ghi chú:

(i) Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản được nhận tiền thưởng từ hoạt động môi giới chứng khoán cho Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa và Công ty Chứng khoán Aizawa. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty đã ký biên bản chấm dứt thỏa thuận về việc chi thưởng cho dịch vụ môi giới chứng khoán với Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa, đồng thời ký bổ sung biên bản thỏa thuận về việc chi thưởng cho dịch vụ môi giới chứng khoán với Công ty Chứng khoán Aizawa với điều kiện thưởng và mức thưởng như sau:

Theo thỏa thuận số 012021JSI-AIZAWAPREP ngày 30 tháng 9 năm 2021: Khi Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản thực hiện nghiệp vụ môi giới khớp lệnh chứng khoán trên sàn cho Công ty Chứng khoán Aizawa đạt tổng giá trị khớp lệnh theo tháng trên tài khoản SCBFCC9385 của Aizawa từ 50 tỷ VND thì mức thưởng là 0,25% tổng giá trị giao dịch môi giới khớp lệnh tài khoản nêu trên. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã ký biên bản chấm dứt thỏa thuận về việc chi thưởng cho dịch vụ môi giới chứng khoán với Công ty Chứng khoán Aizawa.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	15.173.323.712	21.103.484.241
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	98.040.191	(2.183.116.903)
Trừ: Chuyển lỗ	-	(2.416.444.245)
Trừ: Chi phí phải trả năm trước xuất hóa đơn năm nay	(296.858.326)	(83.229.304)
Cộng: Chi phí không được trừ	392.909.127	315.452.817
Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước	1.989.390	1.103.829
Thu nhập chịu thuế	15.271.363.903	18.920.367.338
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.054.272.781	3.784.073.468

Ngoài thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể với lợi nhuận kế toán (ngoài giá trị được điều chỉnh ở trên đối với thu nhập chịu thuế). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại	(290.677.223)	290.677.223
Cộng	(290.677.223)	290.677.223

Công ty xác định chi phí thuế TNDN hoãn lại trên cơ sở giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ có sự khác biệt theo giá trị tính thuế và giá trị ghi sổ kế toán. Chi tiết xem Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động bao gồm khoản thuê sau: Thuê văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 15052018/HĐCTVP/TNL-JSI ngày 15 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL, địa điểm thuê Unit 2, 3, 4, 5 tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, thời gian thuê từ ngày 15 tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 8 năm 2023. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm là 2.782.446.849 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm tới	1.722.830.104	2.782.446.849
Từ năm thứ hai đến năm thứ 5	-	1.722.830.104

35. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động cho vay, đầu tư	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17.081.736.193	(28.315.184)	14.761.224.336	2.684.821.319	57.619.310	1.441.622.728	35.998.708.702
Chi phí bộ phận trực tiếp	15.605.927.652	393.640.855	9.222.441	1.099.734.500	60.951.481	-	17.169.476.929
Chi phí không phân bổ							7.269.438.454
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.475.808.541	(421.956.039)	14.752.001.895	1.585.086.819	(3.332.171)	1.441.622.728	11.559.793.319

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa		
Doanh thu môi giới chứng khoán	-	11.623.330.500
Doanh thu tư vấn	-	1.377.000.000
Thưởng doanh số môi giới	-	5.149.807.966
Công ty Chứng khoán Aizawa		
Doanh thu môi giới chứng khoán	13.672.842.949	6.309.210.271
Doanh thu tư vấn	1.836.000.000	459.000.000
Doanh thu khác	1.373.600.151	-
Thưởng doanh số môi giới	2.159.634.128	2.509.492.699

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Số dư bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Aizawa	1.016.870.295	1.769.214.781
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	101.911.331	103.814.715
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	168.300.000
Phải thu khác	746.658.964	1.491.136.066
Phải trả khác	-	5.964.000
Phải trả ông Tsuyoshi Imai	47.983.755	40.593.511
Phải trả bà Nguyễn Thị Thu Trang	1.850.000	1.700.000
Phải trả ông Tomonori Tsuchiya	38.476.275	36.226.106

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.672.969.310	2.278.138.908
Cộng	1.672.969.310	2.278.138.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của Chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.017.784.751	21.145.099.320
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	327.351.196.244	316.394.854.206
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.017.784.751	21.145.099.320
Tài sản tài chính FVTPL	-	31.453.386.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	295.000.000.000	245.000.000.000
Các khoản cho vay	1.243.672.975	2.823.799.373
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.124.951.396	9.842.984.393
Các khoản ký quỹ	1.965.079.680	811.034.880
Tổng cộng	323.351.488.802	311.076.304.082
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	305.293.761	431.633.586
Chi phí phải trả	392.801.189	299.040.527
Tổng cộng	698.094.950	730.674.113

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà Chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo


37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)


Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.017.784.751	-	16.017.784.751
Tài sản tài chính FVTPL	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265.000.000.000	30.000.000.000	295.000.000.000
Các khoản cho vay	1.243.672.975	-	1.243.672.975
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.124.951.396	-	9.124.951.396
Các khoản ký quỹ	806.034.880	1.159.044.800	1.965.079.680
Tổng cộng	292.192.444.002	31.159.044.800	323.351.488.802
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	305.293.761	-	305.293.761
Chi phí phải trả	392.801.189	-	392.801.189
Tổng cộng	698.094.950	-	698.094.950
Chênh lệch thanh khoản thuần	291.494.349.052	31.159.044.800	322.653.393.852
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.145.099.320	-	21.145.099.320
Tài sản tài chính FVTPL	31.453.386.116	-	31.453.386.116
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	95.000.000.000	150.000.000.000	245.000.000.000
Các khoản cho vay	2.823.799.373	-	2.823.799.373
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.842.984.393	-	9.842.984.393
Các khoản ký quỹ	10.000.000	801.034.880	811.034.880
Tổng cộng	160.275.269.202	150.801.034.880	311.076.304.082
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	431.633.586	-	431.633.586
Chi phí phải trả	299.040.527	-	299.040.527
Tổng cộng	730.674.113	-	730.674.113
Chênh lệch thanh khoản thuần	159.544.595.089	150.801.034.880	310.345.629.969

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.


Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu


Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng



Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2023